



**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN
VÀ MÔI TRƯỜNG ASIA GREEN**

SỐ: 0808/2026/ECVN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2026

THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Thông báo lần 1)

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện và Môi trường Asia Green

Địa chỉ: Ô số B14, khu B Khu đấu giá QSDĐ khu đất 3 ha, TDP số 01, đường Đức
Diễn, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội

Địa chỉ PTN: Số 10, liên kề 29, KĐT mới Vân Canh, Xã Sơn Động, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 32028865

Đại diện : Ông Nguyễn Thế Mạnh

Chức vụ: Giám Đốc

Mã số thuế : 0104797100

Mail: phantich.ecvn.@gmail.com

B. THÔNG TIN VỀ PHẠM VI CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG

1. Nước biển
2. Không khí xung quanh
3. Khí thải
4. Đất
5. Trầm tích

Danh mục thông số và Phương pháp quan trắc phân tích cụ thể như sau:

Môi trường nước biển

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện	Giới hạn định lượng	Ghi chú
1	Hydrocacbon gốc dầu	US EPA Method 3510C:1996 + US EPA Method 3620C:2014 + US EPA Method 8270E:2018	0,003 mg/L	0,01 mg/L	- VILAS 1504 Số 2192/QĐ-VPCNCLQG - STT 32, trang số 6/18 - Phụ lục 4, trang 17/18

Môi trường khí xung quanh

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Metylmercaptan	Niosh 2542:1994

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện	Giới hạn định lượng	Ghi chú
1	Metylmercaptan	Niosh 2542:1994 + US EPA Method 8260D:2018	0,3 mg/L	1 mg/L	-VILAS 1504 Số 2192/QĐ-VPCNCLQG -STT 74, trang số 12/18

Môi trường khí thải

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Anilin	PD CEN 13649:2014
2	Cresol (o,m,p)	PD CEN 13649:2014
3	Cyclohexanol	PD CEN 13649:2014
4	Cyclohexanon	PD CEN 13649:2014

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
5	Metylmercaptan	PD CEN 13649:2014
6	n-Butylacetat	PD CEN 13649:2014
7	n-Propylacetat	PD CEN 13649:2014
8	Butylamin	PD CEN 13649:2014
9	Etylamin	PD CEN 13649:2014
10	Dimetylanilin	PD CEN 13649:2014
11	Dimetylsunfat	PD CEN 13649:2014
12	Etylacrylat	PD CEN 13649:2014
13	Metylclorua	PD CEN 13649:2014
14	Metylbromua	PD CEN 13649:2014
15	Ethanolamine	PD CEN 13649:2014
16	Dietylamin	PD CEN 13649:2014

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện	Giới hạn định lượng	Ghi chú
1	Anilin	PD CEN 13649:2014 + US EPA Method 8260D:2018	0,3 mg/L	1 mg/L	-VILAS 1504 Số 2192/QĐ-VPCNCLQG -STT 73, trang số 12/18
2	Cresol (o,m,p)		0,3 mg/L	1 mg/L	
3	Cyclohexanol		0,3 mg/L	1 mg/L	
4	Cyclohexanon		0,3 mg/L	1 mg/L	
5	Metylmercaptan		0,3 mg/L	1 mg/L	
6	n-Butylacetat		0,3 mg/L	1 mg/L	
7	n-Propylacetat		0,3 mg/L	1 mg/L	

Môi trường đất

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện	Giới hạn định lượng	Ghi chú
1	Benzo(a)pyren	US EPA Method 3541:1994 + US EPA Method 3620C:2014 + US EPA Method 8270E:2018	0,003 mg/kg	0,01 mg/kg	- VILAS 1504 Số 2192/QĐ-VPCNCLQG -STT 67, trang số 11/18
2	Hydrocacbon gốc dầu	US EPA Method 3541:1994 + US EPA Method 3620C:2014 + US EPA Method 8270E:2018	0,2 mg/kg	0,5 mg/kg	- VILAS 1504 Số 2192/QĐ-VPCNCLQG -STT 68, trang số 11/18 - Phụ lục 4, trang 17/18
3	Xyanua	US EPA Method 9013A:2014 + US EPA Method 9010C:2004 + US EPA Method 9014:2014	0,2 mg/kg	0,6 mg/kg	- VILAS 1504 Số 2192/QĐ-VPCNCLQG -STT 69, trang số 11/18
4	Crom (VI)	US EPA Method 3060A:1996 + US EPA Method 7196A:1992	2 mg/kg	6 mg/kg	- VILAS 1504 Số 2192/QĐ-VPCNCLQG -STT 70, trang số 11/18

Môi trường trầm tích

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện	Giới hạn định lượng	Ghi chú
1	Tổng Hydrocarbon	US EPA Method 9071B:1998	10 mg/kg	30 mg/kg	- VILAS 1504 Số 2192/QĐ-VPCNCLQG -STT 72, trang số 12/18
2	Hydrorcacbon gốc dầu	US EPA Method 3541:1994 + US EPA Method 3620C:2014 + US EPA Method 8270E:2018	0,2 mg/kg	0,5 mg/kg	- VILAS 1504 Số 2192/QĐ-VPCNCLQG -STT 71, trang số 12/18 - Phụ lục 4, trang 17/18

C. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC

I. Lĩnh vực quan trắc

1. Nhân sự

Danh sách người thực hiện quan trắc tại hiện trường

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ (trong tổ chức)	Năm sinh	Giới tính	Số năm công tác
1	Giáp Ngọc Sáng	Thạc sĩ	Trưởng nhóm quan trắc	1989	Nam	16 năm
2	Nguyễn Ngọc Nam	Đại học	Phó giám đốc dự án/ Phó nhóm quan trắc	1990	Nam	16 năm
3	Phùng Văn Cảnh	Đại học	Phó nhóm quan trắc	1995	Nam	7 Năm
4	Hoàng Trọng Khánh	Đại học	NV Quan trắc	1999	Nam	4 năm
5	Nguyễn Hữu Quang	Đại học	NV Quan trắc	2000	Nam	3 năm
6	Đỗ Tiến Hưng	Đại học	NV Quan trắc	1993	Nam	13 năm
7	Nguyễn Khương Duy	Đại học	NV Quan trắc	2002	Nam	2 năm
8	Nguyễn Văn Quý.	Chứng chỉ quan trắc	NV Quan trắc	1997	Nam	2 năm
9	Nguyễn Viết Huy	Đại học	NV Quan trắc	2004	Nam	1 năm
10	Đỗ Văn Trung	Đại học	NV Quan trắc	1996	Nam	7 năm
11	Chu Đức Khánh	Đại học	NV Quan trắc	2003	Nam	1 năm

2. Danh mục thiết bị (hiện có)

TT	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Số serial	Kiểu (model)	Hãng/Quốc gia sản xuất	năm đưa vào sử dụng	Tần suất Hiệu chuẩn	đơn vị hiệu chuẩn	Thời hạn phải hiệu chuẩn (theo GCN hiệu chuẩn gần nhất)
1	Máy bơm lấy mẫu không khí	Bơm lấy mẫu không khí	220314	PMP-001	Sibata/Nhật Bản	2022	1 năm/lần		
2	Máy bơm lấy mẫu không khí	Bơm lấy mẫu không khí	220315	PMP-001	Sibata/Nhật Bản	2022	1 năm/lần		
3	Máy đo vi khí hậu	Đo vi khí hậu không khí	2684948	Kestrel 5500	Nielsen/Mỹ	2022	1 năm/lần	CEA	31/10/2026
6	Bộ phụ kiện lấy mẫu VOCs	Lấy mẫu VOCs khí thải	1789-D	UNI-VOS-D	ESC/Mỹ	2022	1 năm/lần	EVTC	31/10/2026
7	Bộ lấy mẫu pha loãng khí thải	Bộ lấy mẫu pha loãng khí thải				2025	-	-	-
8	Bơm lấy mẫu lưu lượng thấp	Lấy mẫu lưu lượng thấp khí xung quanh	4470	QC-2	Trung Quốc	2025	1 năm/lần	EVTC	31/10/2026
9	Máy đo vi khí hậu 4 trong 1	Đo vi khí hậu	J38250609001	LM-8000A	LUTRON /Trung quốc	2025	1 năm/lần	CEA	31/10/2026
10	Máy lấy mẫu khí	Lấy mẫu khí xung quanh	2858	QC-2	Trung Quốc	2026	1 năm/lần	EVTC	30/11/2026
11	Bộ lấy mẫu VOCs theo EPA0031	Lấy mẫu VOCs khí thải	1829-D	UNI-ACD	ESC/Mỹ	2026	1 năm/lần		

TT	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Số serial	Kiểu (model)	Hãng/Quốc gia sản xuất	năm đưa vào sử dụng	Tần suất Hiệu chuẩn	đơn vị hiệu chuẩn	Thời hạn phải hiệu chuẩn (theo GCN hiệu chuẩn gần nhất)
12	Máy đo vi khí hậu 4 trong 1 Lutron	Đo vi khí hậu	AM45573	LM-8000A	Đài Loan	2026	1 năm/lần	CEA	31/10/2026

3. Diện tích phục vụ quan trắc hiện trường

- + Tổng diện tích: 50 m²
- + Giá để thiết bị: 10 m²
- + Tủ đựng hồ sơ: 1m²

II. Phân tích môi trường

1. Nhân sự

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ (trong tổ chức)	Năm sinh	Giới tính	Số năm công tác
1	Nguyễn Thế Mạnh	Đại học	Giám đốc	1983	Nam	23 năm
2	Lê Thùy Dương	Thạc sĩ	Phó Giám Đốc	1990	Nữ	16 năm
3	Đỗ Thị Ngọc Diễm	Đại học	Trưởng phòng	1998	Nữ	6 năm
4	Phùng Thị Thơm	Đại học	Nhân viên phân tích	1994	Nữ	10 năm
5	Phạm Thị Hằng	Đại học	Nhân viên phân tích	1996	Nữ	8 năm

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ (trong tổ chức)	Năm sinh	Giới tính	Số năm công tác
6	Nguyễn Văn Chung	Đại học	Nhân viên phân tích	1995	Nam	9 năm
7	Vương Thị Thơm	Đại học	Nhân viên phân tích	1997	Nữ	7 năm
8	Hà Thị Khánh Chinh	Đại học	Nhân viên phân tích	1999	Nữ	5 năm
9	Lê Thị Hồng Nhung	Đại học	Nhân viên phân tích, QA/QC	1995	Nữ	9 năm
10	Phạm Thị Huệ	Đại học	Nhân viên phân tích	1998	Nữ	3 năm
11	Nguyễn Thị Hà Phương	Đại học	Nhân viên phân tích	2001	Nữ	2 năm

2. Thiết bị phân tích

TT	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Số serial	Kiểu (model)	Hãng/Quốc gia sản xuất	năm đưa vào sử dụng	Tần suất Hiệu chuẩn/ kiểm tra	đơn vị hiệu chuẩn	Thời hạn phải hiệu chuẩn (theo GCN hiệu chuẩn gần nhất)
1	Máy quang phổ UV-VIS hai chùm tia	Phân tích các chỉ tiêu đo quang	1995-005	U-2910	Hitachi/Nhật Bản	2022	1 năm/1 lần	IMTS	30/09/2026
2	Máy quang phổ UV-VIS hai chùm tia	Phân tích các chỉ tiêu đo quang	21A3-007	U-2910	Hitachi/Nhật Bản	2022	1 năm/1 lần	IMTS	30/09/2026

TT	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Số serial	Kiểu (model)	Hãng/Quốc gia sản xuất	năm đưa vào sử dụng	Tần suất Hiệu chuẩn/ kiểm tra	đơn vị hiệu chuẩn	Thời hạn phải hiệu chuẩn (theo GCN hiệu chuẩn gần nhất)
3	Máy sắc ký khí đầu dò khối phổ (GC-MS)	Phân tích các chỉ tiêu hữu cơ	US2206A017	GC: Model 8890; MS: Model: 5977B, P/N: g7077BA	Agilent/Mỹ	2022	1 năm/1 lần	Red star	21/07/2027
4	Máy cắt quay chân không	Phân tích các chỉ tiêu hữu cơ	XS21AAH000009/XS21AAH0000015	RE100-S	Dlab - Mỹ	2022	Kiểm tra 6 tháng /1 lần	-	-
5	Máy chiết chất béo (Soxhlet) bán tự động	Chiết mẫu rắn hữu cơ, tổng dầu, tổng Hydrocarbon	SX426300396	SOX406	Jinan hanon/Trung Quốc	2022	Kiểm tra 6 tháng /1 lần	-	-
6	Máy ly tâm	Ly tâm mẫu	LD21BBD0000667	DM0412	Dlab - Mỹ	2022	Kiểm tra 6 tháng /1 lần	-	-
7	Máy lắc phễu chiết hình quả lê	Chiết mẫu nước	2203067	AG-LDZ-06L	Ouge/Trung Quốc	2022	Kiểm tra 6 tháng /1 lần	-	-
8	Bể rửa siêu âm	Rửa dụng cụ	ZZ01014AS0001	2 VGT-2120QTD	GT SONIC/Trung Quốc	2022	Kiểm tra	-	-

TT	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Số serial	Kiểu (model)	Hãng/Quốc gia sản xuất	năm đưa vào sử dụng	Tần suất Hiệu chuẩn/ kiểm tra	đơn vị hiệu chuẩn	Thời hạn phải hiệu chuẩn (theo GCN hiệu chuẩn gần nhất)
							6 tháng /1 lần		
9	Cân phân tích 5 số Shimadzu	Cân mẫu, cân hóa chất	D316303081	AP-225WD	Shimazu /Nhật Bản	2022	1 năm/1 lần	IMTS	30/09/2026
10	Cân phân tích 3 số 210g Ohaus	Cân mẫu, cân hóa chất	C143831807	Pr233/E	Ohaus/Nhật Bản	2022	1 năm/1 lần	IMTS	30/09/2026
11	Tủ sấy	Sấy mẫu, sấy dụng cụ	531387930	DHG-9240B	DHG/Trung Quốc	2022	1 năm/1 lần	IMTS	30/09/2026

3. Diện tích phục vụ phân tích trong PTN

- Tầng 2: Phòng phân tích hóa lý

- + Phòng làm việc và : 11m^2
- + Phòng máy đo nhanh – UV – Cân: 6m^2
- + Phòng xử lý mẫu cơ bản: 29m^2
- + Phòng sinh nhiệt + khí: 14m^2

- Tầng 3: Phòng phân tích kim loại

- + Phòng AAS – cân: 25m^2
- + Phòng xử lý mẫu kim loại: 15m^2

- Tầng 3: Phòng phân tích vi sinh

- + Phòng đệm: 3m^2
- + Phòng chuẩn bị: 7m^2
- + Phòng cấy: 7m^2
- + Phòng ủ - đếm vi sinh: 5m^2
- + Phòng rửa hủy: 5m^2

- Tầng 4: Phòng phân tích hữu cơ

- + Phòng làm việc: 20m^2
- + Phòng máy: 15m^2
- + Phòng xử lý mẫu hữu cơ: 35m^2

- Tầng 5:

- + Khu vực lưu mẫu (kho) : 30m^2

4. Đã được công nhận phù hợp theo các yêu cầu tiêu chuẩn quốc gia TCVN/ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025

- Số hiệu công nhận: Vilas 1504
- Hiệu lực công nhận 06/08/2031

Công ty CP Kỹ Thuật điện và Môi trường Asia Green cam đoan toàn bộ thông tin trong hồ sơ là đúng sự thật và sẽ thực hiện đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty CP Kỹ Thuật điện và Môi trường Asia Green cam kết tuân thủ mọi quy định kỹ thuật về quy trình, phương pháp quan trắc môi trường do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định. Xây dựng, thực hiện và duy trì chương trình đảm bảo chất lượng, kiểm soát chất lượng phù hợp với phạm vi hoạt động quan trắc môi trường. Công ty CP Kỹ Thuật điện và Môi trường Asia Green hoàn toàn chịu trách nhiệm

trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
CP KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ MÔI
TRƯỜNG ASIA GREEN
GIÁM ĐỐC**



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thế Mạnh